

KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TRONG MỘT SỐ NGÀNH CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ CỦA THÁI LAN VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

TS. Nguyễn Hữu Xuyên
Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

TS. Nguyễn Đình Bình
Văn phòng Hội đồng Chính sách Khoa học và Công nghệ Quốc gia

Tóm tắt:

Công nghiệp hỗ trợ (CNHT) phát triển sẽ giảm thiểu được việc nhập khẩu các nguyên vật liệu, linh kiện cho các ngành lắp ráp trong nước, là tiền đề để trở thành một bộ phận trong chuỗi sản xuất toàn cầu. Phát triển công nghệ trong ngành CNHT sẽ từng bước cải thiện được chất lượng sản phẩm, nâng cao được năng lực nội sinh về công nghệ, tiến tới cải tiến, làm chủ và sáng tạo ra công nghệ. Điều này có ý nghĩa quan trọng trong điều kiện hiện nay của Việt Nam khi mà trình độ công nghệ trong ngành CNHT còn hạn chế. Trên cơ sở tìm hiểu kinh nghiệm của Thái Lan trong việc phát triển công nghệ ngành CNHT, bài viết đưa ra những khuyến nghị về hoạch định và tổ chức thực thi chính sách nhằm phát triển công nghệ, từng bước nâng cao năng lực nội sinh công nghệ trong ngành CNHT, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội.

Từ khóa: Công nghiệp hỗ trợ; Phát triển công nghệ.

Mã số: 14040301

1. Khái quát về công nghiệp hỗ trợ và phát triển công nghệ trong ngành công nghiệp hỗ trợ

Công nghiệp hỗ trợ là khái niệm được hiểu khác nhau ở các quốc gia khác nhau:

Tại Hoa Kỳ, CNHT bao gồm các ngành cung cấp những quy trình để sản xuất và hình thành sản phẩm trước khi chúng được đưa đến các ngành sản xuất công nghiệp cuối cùng; chúng bao gồm các lĩnh vực như thiết bị làm nóng công nghiệp, xử lý nhiệt, rèn, hàn, luyện kim, các vật liệu dạng hạt, sứ cao cấp và các sản phẩm các bon [13].

Tại Nhật Bản, CNHT được hiểu là nhóm các hoạt động công nghiệp cung ứng các đầu vào trung gian (không bao gồm nguyên vật liệu thô và sản phẩm hoàn chỉnh) cho các ngành công nghiệp hạ nguồn; chúng bao gồm các lĩnh vực như gia công đúc, dập, rèn, hàn, mạ, gia công cơ khí, khuôn mẫu, xử lý nhiệt, các phụ tùng linh kiện như kim loại, nhựa, cao su, điện, điện tử [5].

Ở một số nước Châu Âu, CNHT thường được hiểu là các nhà cung ứng, nhà thầu phụ hay thuê khoán.

Tại Thái Lan CNHT được hiểu là các ngành công nghiệp cung cấp linh kiện, phụ kiện, máy móc, dịch vụ đóng gói và dịch vụ kiểm tra cho các ngành công nghiệp cơ bản (có nghĩa là các ngành cơ khí, máy móc, linh kiện cho ô tô, điện và điện tử là những ngành CNHT quan trọng) [3]; nó bao gồm các chuyên ngành sản xuất cụ thể như chế tạo khuôn, gia công đúc, gia công đồ gá, đột dập, chế tạo dụng cụ mài, xử lý bề mặt,...

Công nghiệp hỗ trợ được nhìn nhận theo các quan điểm cá nhân, sự khác nhau tùy thuộc vào mỗi lĩnh vực. Cụ thể: CNHT là công nghiệp sản xuất ra các linh kiện, phụ tùng, sản phẩm trung gian đóng vai trò là đầu vào (inputs) và lắp ráp chúng để trở thành sản phẩm cuối cùng [4]. Theo Trần Văn Thọ (2005), CNHT chỉ toàn bộ những sản phẩm công nghiệp có vai trò hỗ trợ cho việc sản xuất các thành phẩm chính. Cụ thể là những linh kiện, phụ liệu, phụ tùng, sản phẩm bao bì, nguyên liệu để sơn, nhuộm; đồng thời chúng có thể bao gồm cả những sản phẩm trung gian, những nguyên liệu sơ chế [7]. Tuy nhiên, nếu xét trên phương diện công nghệ, thì CNHT là công nghiệp tạo ra các yếu tố đầu vào phục vụ cho công nghiệp chế tạo; khi đó, bất cứ ngành công nghiệp chế tạo nào cũng có thể gắn liền với ngành CNHT. Mặt khác, việc tạo ra máy móc, thiết bị, phương tiện, dụng cụ, công cụ phục vụ cho sản xuất công nghiệp chế tạo sẽ không thuộc phạm vi điều chỉnh của CNHT; chúng không được coi là yếu tố đầu vào mà là các yếu tố thuộc về công nghệ [8]. Có quan điểm cho rằng, CNHT là toàn bộ việc tạo ra những linh phụ kiện tham gia vào việc hình thành các sản phẩm hoàn thiện cho người tiêu dùng; sản phẩm CNHT chủ yếu bao gồm một số lĩnh vực như kim loại, nhựa và cao su, điện và điện tử. Các doanh nghiệp sản xuất CNHT hầu hết có quy mô nhỏ và vừa, đòi hỏi trình độ công nghệ và quản lý cao, điều kiện hợp đồng chặt chẽ và tương đối phụ thuộc lẫn nhau [6].

Thuật ngữ “công nghiệp hỗ trợ” bắt đầu được nghiên cứu ở Việt Nam từ những năm 2000 đến nay. Thuật ngữ này mới chỉ được nhắc đến chính thức trong Quyết định số 34/2007/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) về phê duyệt “Quy hoạch phát triển CNHT đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020”; trong Quyết định này CNHT bao gồm các nhóm ngành như dệt may, da giày, điện tử tin học, sản xuất và lắp ráp ô tô, cơ khí chế tạo. Tiếp đến, Quyết định số 12/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về “Chính sách phát triển một số ngành CNHT”; theo đó, “CNHT là các ngành công nghiệp sản xuất vật liệu, phụ tùng linh kiện, phụ kiện, bán thành phẩm để cung cấp cho ngành công nghiệp sản xuất, lắp ráp các sản phẩm hoàn chỉnh là tư liệu sản xuất hoặc sản phẩm tiêu dùng”. Mặc dù còn nhiều quan điểm khác nhau về CNHT, tuy nhiên, các quan điểm này đều có một số điểm chung như sau: (i) thị trường sản phẩm của ngành CNHT hẹp hơn các

thị trường sản phẩm tiêu dùng vì khách hàng cuối cùng là nhà lắp ráp để tạo ra sản phẩm hoàn chỉnh; (ii) sản phẩm của ngành CNHT chủ yếu được cung cấp bởi các doanh nghiệp sản xuất, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa; (iii) CNHT được xác định trên cơ sở các ngành công nghiệp hạ nguồn (như ngành lắp ráp ô tô, xe máy, dệt may, da giày, điện tử tin học) chứ không xác định trên đặc thù sản phẩm của ngành sản xuất phụ trợ (như ngành cơ khí chế tạo, cao su, nhựa, điện và điện tử). Trong khuôn khổ bài báo này, CNHT được định nghĩa theo Quyết định số 12/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; theo đó, *“CNHT là các ngành công nghiệp sản xuất vật liệu, phụ tùng linh kiện, phụ kiện, bán thành phẩm để cung cấp cho ngành công nghiệp sản xuất, lắp ráp các sản phẩm hoàn chỉnh là tư liệu sản xuất hoặc sản phẩm tiêu dùng”*. Sản phẩm của CNHT bao gồm vật liệu phụ tùng, linh kiện, phụ kiện, bán thành phẩm sản xuất tại Việt Nam để cung cấp cho khâu lắp ráp, sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh. Để phát triển CNHT thì cần phải có những điều kiện thiết yếu như [10]: điều kiện về cơ sở hạ tầng công nghiệp, thị trường, môi trường, thể chế và điều kiện về nguồn lực.

Phát triển công nghệ là hoạt động sử dụng kết quả nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, thông qua việc triển khai thực nghiệm và sản xuất thử nghiệm để hoàn thiện công nghệ hiện có, tạo ra công nghệ mới (Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013). Việc phát triển công nghệ thông qua hoàn thiện, tạo ra công nghệ mới để thực hiện các hoạt động đổi mới công nghệ thành công sẽ tạo ra giá trị gia tăng cho doanh nghiệp. Điều này cho thấy công nghệ có tác động trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; nó thể hiện ở chỗ công nghệ mới hơn, tiên tiến hơn nếu được sử dụng một cách khoa học thường sẽ tạo ra sản phẩm có chất lượng tốt hơn, năng suất cao hơn và chi phí sản xuất rẻ hơn. Qua đó, các doanh nghiệp có thể gắn kết hoạt động R&D với quá trình sản xuất, đây là khâu quan trọng để giúp doanh nghiệp nâng cao trình độ công nghệ. Hơn nữa, khi khoa học càng phát triển thì vòng đời của công nghệ càng giảm xuống, từ đó thúc đẩy hoạt động đổi mới công nghệ; hoạt động này được Fredrick Betz [14] cho là sự phát minh, phát triển và đưa vào thị trường sản phẩm mới, qui trình mới hoặc là dịch vụ mới có chứa công nghệ mới, đồng thời thị trường có thể chấp nhận hay loại bỏ chúng. Trong những năm gần đây, sản phẩm của ngành CNHT đã có nhiều chuyển biến tích cực, tuy nhiên, mức độ chấp nhận của thị trường về sản phẩm còn chưa cao, phần lớn các doanh nghiệp sản xuất điện tử trong nước vẫn chủ yếu lắp ráp và sản xuất theo hợp đồng của các doanh nghiệp nước ngoài; khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp dệt may còn nhiều hạn chế, thậm chí các doanh nghiệp trong nước còn cạnh tranh với nhau thông qua việc giảm giá gia công để giành hợp đồng từ các đối tác nước ngoài.

Hiện nay, phát triển công nghệ ngành CNHT giữ vai trò quan trọng trong việc tạo ra các sản phẩm có tính cạnh tranh cao, góp phần khai thác hiệu quả các nguồn lực nội tại, là cơ sở để trở thành một bộ phận trong dây chuyền sản xuất quốc tế. Hơn nữa, phát triển công nghệ trong ngành CNHT còn tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đồng hóa, thích nghi và từng bước nâng cao năng lực nội sinh công nghệ, góp phần thúc đẩy đầu tư trực tiếp nước ngoài, từ đó tạo ra thế chủ động cho nền kinh tế, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cho quốc gia.

2. Kinh nghiệm của Thái Lan

Ngoài sự phát triển của ngành công nghiệp xe hơi¹, những năm gần đây, Thái Lan cũng đã có những bước tiến đáng kể trong ngành CNHT khác như: ngành điện, điện tử (cung cấp 40% sản lượng ổ cứng cho thế giới năm 2011), tỷ trọng công nghiệp trong nền kinh tế tăng (chiếm khoảng 50% GDP năm 2011 so với 44,9% GDP năm 2006) [16]. Để có được thành tựu đó, Chính phủ Thái Lan đã có những cách thức hoạch định, tổ chức thực thi chính sách hiệu quả trong việc phát huy các nguồn lực quốc gia, cũng như huy động được từ các nguồn lực bên ngoài, đặc biệt là các chính sách việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, các chính sách khuyến khích nhập công nghệ và tạo điều kiện thông thoáng nhằm thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư R&D và đổi mới công nghệ trong ngành CNHT [11], đồng thời Thái Lan đã thiết lập được kênh thông tin hiệu quả giữa Chính phủ, chuyên gia và các khu vực tư nhân trong việc hoạch định và tổ chức thực thi chính sách. Cụ thể:

- *Về hoạch định chính sách*: Thái Lan đã xây dựng Kế hoạch phát triển KH&CN (1997-2006), Quy hoạch ngành ô tô, xe máy (2002-2006), Chiến lược quốc gia về KH&CN (giai đoạn 2004-2013) [15]. Qua đó khẳng định KH&CN giữ vai trò quan trọng trong việc phát triển quốc gia với những mục tiêu cụ thể như tăng tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện đổi mới lên 35%, phát triển kinh tế, xã hội hướng tới sự cân bằng giữa ba khu vực (công nghiệp, kinh tế cộng đồng và xã hội); trong đó ngành CNHT điện tử như phần mềm và vi mạch là một trong các ngành được tập trung phát triển trong khu vực công nghiệp² nhằm tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao (vi điện tử, thiết bị điện, vi mạch tiên tiến,...) đáp ứng được nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Để làm được điều này, Chính phủ đã thiết lập các cơ quan quản lý theo cụm để hỗ trợ các hoạt động liên kết và hợp tác, từ đó từng bước nâng cao được năng lực đổi mới công nghệ và áp dụng công nghệ tiên tiến, thích hợp của doanh nghiệp (ví dụ cụm

¹ Nhiều hãng sản xuất, lắp ráp ô tô lớn đã đặt Nhà máy tại Thái Lan: BMW, Ford, Mitsubishi, Honda, Nissan, Mazda, Toyota, General Motors, Isuzu, vv.

² Các ngành công nghiệp được ưu tiên: Thực phẩm, ô tô, phần mềm và vi mạch điện tử, dệt may, du lịch, y tế và công nghiệp sinh học.

vi điện tử và vi mạch sẽ do Trung tâm vi điện tử Thái Lan quản lý, hay Viện công nghiệp điện và điện tử có nhiệm vụ kiểm định các linh kiện nội địa, ngoại nhập và bảo vệ người tiêu dùng, đồng thời tham gia xây dựng các chính sách và kế hoạch tái cơ cấu công nghiệp của Chính phủ). Hơn nữa, trong Chiến lược quốc gia về KH&CN của Thái Lan (2004-2013) đã hoạch định các mục tiêu về phát triển các Cụm có năng lực nhằm tăng cường, hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cao năng lực công nghệ, tăng năng suất và chất lượng cho một số ngành công nghiệp tiềm năng (ô tô, phần mềm, vi mạch, dệt may, y tế,...), phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua hoạt động thu hút, nhập khẩu các chuyên gia công nghệ từ nước ngoài (*Chief Science Officer*);

- *Về phân cấp quản lý*: Chính phủ Thái Lan xây dựng cơ chế phân cấp quản lý, giám sát giữa các bộ/ngành, từ Trung ương đến địa phương rõ ràng, với mục tiêu và trách nhiệm cụ thể để thực hiện kế hoạch đã đề ra trên tinh thần hợp tác, phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước, cộng đồng doanh nghiệp và các chuyên gia. Đặc biệt, Chính phủ luôn đề cao sự phát triển năng lực của các địa phương thông qua các hoạt động cụ thể như phát triển nguồn lực chất lượng cao, thúc đẩy đổi mới công nghệ trong ngành CNHT, chú trọng nâng cao năng lực công nghệ đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua các chính sách giáo dục, khuyến khích về tài chính và đầu tư công. Hơn nữa, Thái Lan đã xác định các ngành công nghiệp trọng điểm có giá trị nội địa cao (công nghiệp ô tô, xe máy và sản xuất các linh kiện, phụ tùng, công nghiệp điện, điện tử và tin học) dựa trên phương pháp xây dựng lộ trình công nghệ³ và hoạch định chính sách/qui hoạch tổng thể từ trên xuống, kết với sự tham gia tích cực của các khu vực tư nhân, các chuyên gia. Cho nên, nội dung của chính sách đã phản ánh được phần lớn nguyện vọng của doanh nghiệp nên quá trình tổ chức thực thi chính sách có nhiều thuận lợi;
- *Về chính sách ưu đãi tài chính*: Thái Lan đã có nhiều chính sách ưu đãi tài chính cho các doanh nghiệp tham gia vào hoạt động R&D thông qua Quỹ Phát triển Đổi mới, Quỹ Nghiên cứu và Phát triển Công nghệ. Theo đó, Quỹ Phát triển Đổi mới hỗ trợ hoạt động R&D trong khu vực sản xuất với hình thức 50-50, có nghĩa là doanh nghiệp phải bỏ ra ít nhất 50% tổng kinh phí, 50% còn lại sẽ được hỗ trợ với mức lãi suất thấp (1/3 được cung cấp bởi Ngân hàng thương mại, 2/3 còn lại được Quỹ hỗ trợ). Quỹ Nghiên cứu và Phát triển Công nghệ trực thuộc Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Quỹ này hỗ trợ thương mại hóa kết quả của hoạt động R&D, hỗ trợ nâng cấp, cải tiến máy móc thiết bị nhằm nâng cao

³ Xây dựng các kịch bản về xu hướng phát triển thị trường sản phẩm/hàng hóa, sau đó xác định thứ tự ưu tiên các công nghệ tạo ra sản phẩm/hàng hóa đó là nhập khẩu hay sản xuất trong nước.

chất lượng sản phẩm đầu ra dưới hình thức vay lãi suất thấp (khoảng 5%/năm), thời gian vay từ 5 đến 10 năm; đồng thời Chính phủ cũng khuyến khích phát triển KH&CN đối với các khu vực doanh nghiệp như miễn, giảm thuế nhập khẩu đối với thiết bị phục vụ đào tạo, miễn thuế và cho phép khấu hao nhanh trong năm đầu tiên đối với trang thiết bị phục vụ R&D (40%), đồng thời Chính phủ xây dựng các kế hoạch hành động để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia thông qua việc hoàn thiện năng lực R&D và đổi mới nguồn nhân lực công nghệ của doanh nghiệp nhằm tạo thuận lợi cho phát triển công nghệ ở khu vực tư nhân [12];

- *Về hợp tác quốc tế:* Các hoạt động hội nhập quốc tế và thu hút đầu tư nước ngoài luôn được Thái Lan quan tâm. Chính phủ đã xây dựng các chính sách ưu đãi phù hợp theo hướng đơn giản hóa các thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp, đồng thời, thúc đẩy hoạt động đổi mới công nghệ của doanh nghiệp để tạo ra các sản phẩm có tính cạnh tranh dựa trên nguyên tắc thị trường quyết định, như không phân biệt đối xử doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài, các yêu cầu về nội địa hóa trước đây đã được loại bỏ. Hiện nay, Ủy ban đầu tư Thái Lan chịu sự điều hành của Chính phủ đóng vai trò quan trọng và chịu trách nhiệm chính trong việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, các địa phương không được phép đưa ra các chính sách riêng biệt về hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài - đây là điểm khác biệt giữa Việt Nam⁴ và Thái Lan.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được trong ngành CNHT nêu trên (ô tô, xe máy, điện, điện tử), Thái Lan cũng còn những hạn chế nhất định trong chính sách phát triển công nghệ như đầu tư cho hoạt động R&D còn thấp (0,26% GDP năm 2003, ước tính khoảng 1% GDP năm 2013), năng lực đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp Thái Lan còn chưa cao và chưa có sự liên kết chặt chẽ giữa các tổ chức nghiên cứu, đào tạo, các hiệp hội công nghiệp. Do đó, để nâng cao năng lực công nghệ nói chung và năng lực công nghệ trong ngành CNHT nói riêng, Thái Lan vẫn phải tiếp nhận và nhập khẩu công nghệ từ nước ngoài [9].

3. Bài học cho Việt Nam

Để nâng cao tỷ lệ nội địa hóa ngành công nghiệp lắp ráp của nước ta, giảm tỷ lệ nhập khẩu các phụ kiện, linh kiện từ nước ngoài, từng bước nâng cao tỷ trọng đóng góp của công nghiệp cho nền kinh tế, triển khai có hiệu quả các chính sách phát triển CNHT (*Quyết định số 34/2007/QĐ-BCN ngày 31/7/2007 phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020; Quyết định số 12/2011/QĐ-TTg ngày 24/02/2011 về chính sách phát triển một số ngành CNHT, Quyết định số*

⁴ Tại Việt Nam, chính quyền địa phương có thể phê duyệt các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài có qui mô nhỏ.

1556/QĐ-TTg ngày 17/10/2012 về phê duyệt Đề án “Trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực CNHT”), đồng thời để hoàn thiện chính sách hiện hành, hay ban hành các chính sách mới nhằm thúc đẩy hoạt động phát triển công nghệ trong ngành CNHT trên cơ sở kế thừa có chọn lọc kinh nghiệm của Thái Lan, chúng ta cần:

Thứ nhất, hoàn thiện việc xây dựng chiến lược/qui hoạch/kế hoạch về phát triển CNHT gắn với việc nâng cao trình độ công nghệ trong ngành CNHT, bởi trình độ công nghệ nói chung và trình độ công nghệ trong ngành CNHT nói riêng còn chưa cao [2] (dệt may, da giày, điện-điện tử, cơ khí chế tạo). Phát triển công nghệ là tiền đề quan trọng để tạo ra giá trị gia tăng cao hơn. Ví dụ [20]: ngành dệt may, da giày có kim ngạch xuất khẩu lớn, nhưng có khoảng 80 đến 85% tỷ lệ nguyên liệu phải nhập khẩu từ nước ngoài (vải, da, khóa, kim, chỉ, hóa chất, thuốc nhuộm); hay ngành ô tô thì tỷ lệ nội địa hóa chỉ đạt khoảng 5 đến 10% (chủ yếu là vỏ xe, chân phanh, ăng ten cho radio, khung ghế, dây điện, sản phẩm nhựa). Do vậy, cần xây dựng các chính sách phát triển CNHT gắn chặt với việc nâng cao trình độ công nghệ trong doanh nghiệp, góp phần từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, đảm bảo thời gian giao hàng đúng thời hạn.

Thứ hai, Nhà nước cần phân cấp quản lý rõ ràng và tăng cường sự phối hợp thực hiện các chiến lược/qui hoạch/kế hoạch về phát triển công nghệ trong ngành CNHT để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kiểm soát quá trình thực thi chính sách. Hiện nay, chính sách về phát triển CNHT còn chung chung, các mục tiêu/tiêu chí, đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, điều kiện về nguồn lực để bảo đảm mục tiêu đều chưa rõ ràng nên rất khó triển khai (ví dụ *Quyết định số 34/2007/QĐ-BCN*, *Quyết định số 12/2011/QĐ-TTg*); cho nên, cần có sự phân cấp quản lý nhà nước về phát triển CNHT từ trung ương đến địa phương, trong đó có hoạt động phát triển công nghệ. Hơn nữa, trong quá trình hoạch định, tổ chức thực thi chính sách cần có sự tham gia, đối thoại của đối tượng thụ hưởng (cộng đồng doanh nghiệp), các bên liên quan (bộ/ban/ngành/hiệp hội ngành nghề) và các chuyên gia.

Thứ ba, hoàn thiện các chính sách ưu đãi (thuế, tín dụng, đào tạo, đất đai, hỗ trợ trực tiếp) nhằm thúc đẩy doanh nghiệp ngành CNHT thực hiện các hoạt động R&D và đổi mới công nghệ. Ngoài chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp nói chung (*Nghị định số 119/1999/NĐ-CP*, *Nghị định số 56/2009/NĐ-CP*, *Nghị quyết số 22/2010/NQ-CP*, *Quyết định số 677/QĐ-TTg*, *Quyết định số 1231/QĐ-TTg*,...), Nhà nước cần có những chính sách riêng biệt cho các doanh nghiệp ngành CNHT để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư, mở rộng sản xuất, hiện đại hóa dây chuyền công nghệ, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường

như⁵: nâng mức hỗ trợ, tài trợ cho các dự án nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm sản phẩm CNHT, chính sách ưu đãi thuế nhập khẩu dây chuyền công nghệ sản xuất sản phẩm CNHT, chính sách ưu đãi tín dụng tại các quỹ hỗ trợ phát triển, quỹ phát triển KH&CN.

Thứ tư, Nhà nước cần tăng cường hoạt động liên kết giữa các doanh nghiệp để tạo ra chuỗi cung ứng sản phẩm CNHT. Để làm được điều này, cần tạo ra các hoạt động kết nối giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước có nhu cầu về sản phẩm (bên cầu) và các doanh nghiệp sản xuất ra các sản phẩm hỗ trợ (bên cung) như tổ chức triển lãm các sản phẩm, các công nghệ ngành CNHT; qua đó từng bước hình thành các định chế trung gian, tạo điều kiện cho thị trường công nghệ ngành CNHT phát triển.

Ngoài ra, Nhà nước cần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực công nghệ ngành CNHT thông qua chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đào tạo nhân lực, thành lập bộ phận R&D trong doanh nghiệp để doanh nghiệp có thể tiếp cận được với KH&CN tiên tiến trên thế giới; từ đó giúp doanh nghiệp làm chủ được dây chuyền công nghệ, từng bước cải tiến, sao chép, đổi mới công nghệ, góp phần thực hiện các mục tiêu về sản phẩm, công nghệ của doanh nghiệp. Hơn nữa, Nhà nước cần cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản để nhận được các ưu đãi trong hoạt động phát triển công nghệ, đồng thời tăng cường thu hút các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào Việt Nam trong ngành CNHT có sử dụng công nghệ cao, công nghệ thân thiện môi trường./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. *Luật Khoa học và Công nghệ*, Luật số 29/2013/QH13.
2. *Báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá trình độ công nghệ các ngành công nghiệp*. Vụ KH&CN tổng hợp, Bộ Công nghiệp, 2006.
3. *Triển vọng công nghiệp phụ trợ Việt Nam theo đánh giá của doanh nghiệp Nhật Bản*. Diễn đàn phát triển Việt Nam, 2005.
4. Hoàng Văn Châu và các tác giả. (2010) *Chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ ở Việt Nam đến năm 2020*. Báo cáo đề tài cấp Nhà nước.
5. Ohno K. (2004) *Ngành công nghiệp hỗ trợ, một số điểm phân tích và cân nhắc*. VDF and GRIPS.

⁵ Mức ưu đãi, hỗ trợ, tài trợ có thể cao hơn theo Nghị định 119/1999/NĐ-CP về một số chính sách và cơ chế tài chính khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ.

6. Trương Thị Chí Bình. (2010) *Phát triển công nghiệp hỗ trợ trong ngành điện tử gia dụng ở Việt Nam*. Luận án tiến sỹ.
7. Trần Văn Thọ. (2005) *Biến động kinh tế Đông Á và con đường công nghiệp hóa ở Việt Nam*. H.: NXB Chính trị Quốc gia.
8. Đỗ Minh Thụy. (2012) *CNHT ngành giày dép - nghiên cứu đối với ngành giày dép ở Hải Phòng*. Luận án tiến sỹ.
9. Phùng Minh Lai, Phùng Anh Tiên biên soạn. (2008) *Phát triển bền vững và sức cạnh tranh của Thái Lan dựa vào KH&CN*. Trung tâm Thông tin KH&CN Quốc gia.
10. Nguyễn Trường Sơn. (2013) *Phát triển CNHT tại các tỉnh thuộc Vùng kinh tế trọng điểm Trung bộ*. Kỳ yếu hội thảo NCSTP.

Tiếng Anh:

11. WB. (2010) *Thailand Economic Monitor*. Washington D.C
12. OECD. (2011) *Review of Innovation in Southeast Asia*. Country Profile of Innovation Thailand.
13. Department of Energy. (2004) *Supporting industries: Industry for future*. Fiscal year annual report. Washington DC.
14. Frederick Betz. (1998) *Strategic Technology Management* Mc Graw-Hill.
15. *Thailand: The National Science and Technology Strategic Plan* (2003-2013).
16. <http://www.dna.com.vn/vi/tin-tuc-thuong-hieu/tin-quoc-te/phat-trien-cong-nghiep:-nguoc-mat-nhin-thai-lan>
17. www.chinhphu.vn: xem các Quyết định, Nghị định, Thông tư liên quan tới phát triển công nghiệp hỗ trợ.
18. http://www.cpv.org.vn/cpv/Modules/News/NewsDetail.aspx?co_id=0&cn_id=418062
19. http://www.aip.gov.vn/default.aspx?page=news&do=detail&category_id=216&news_id=1993
20. <http://socongthuong.namdinh.gov.vn/Home/CNthuongmai/2013/153/Phat-trien-cong-nghiep-phu-tro-Dau-la-huong-di.aspx>
21. <http://kktvungang-hatinh.gov.vn/?x=224/xuc-tien-dau-tu/cong-nghiep-ho-tro-o-viet-nam-thuc-trang-va-giai-phap>
22. <http://kktvungang-hatinh.gov.vn/?x=437/xuc-tien-dau-tu/cong-nghiep-ho-tro-dang-tay-don-von>